

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 9 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và
cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Thắng;
2. Ông Trần Văn Chiu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Buôn D2, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Đức H2, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Buôn D2, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị Lê Thị H kết hôn với anh Lê Đức H2 ngày 08/11/2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, việc chị H kết hôn với anh H2 là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị H và anh H2 chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, trong cuộc sống không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị H và anh H2 đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh

phúc, vì vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L giải quyết cho chị ly hôn với anh H2.

Về con chung: Chị H và anh H2 có 03 con chung là Lê Thị Quỳnh M, sinh ngày 11/4/2008; Lê Đức T, sinh ngày 27/3/2010 và Lê Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 06/5/2013. Khi ly hôn chị H yêu cầu giao các con cho H2 trực tiếp nuôi, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con.

Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2022, biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Đức H2 trình bày:

Anh Lê Đức H2 kết hôn với chị Lê Thị H ngày 08/11/2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, việc anh H2 kết hôn với chị H là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh và chị H sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H đi làm công nhân ở thành phố Hồ Chí Minh, sau đó về đòi ly hôn với anh. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh H2 và chị H có 03 con chung là Lê Thị Quỳnh M, sinh ngày 11/4/2008; Lê Đức T, sinh ngày 27/3/2010 và Lê Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 06/5/2013. Khi ly hôn anh H2 yêu cầu được nuôi cả 03 con và yêu cầu chị H cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản và nợ chung: Anh H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và về việc giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 56, 81 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Lê Đức H2.

Về con chung: Giao các con Lê Thị Quỳnh M, Lê Đức T và Lê Thị Quỳnh Tr cho anh H2 trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con, với mức cấp dưỡng đối với mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình và án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Lê Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Đức H2, yêu cầu giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng. Đây là quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng*”. Bị đơn anh Lê Đức H2 cư trú tại: Xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Về yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H: Chị Lê Thị H và anh Lê Đức H2 kết hôn với nhau ngày 08/11/2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh H2 chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống và không tìm được tiếng nói chung, chị H đi làm ăn xa, vợ chồng mỗi người một nơi. Qua xác minh tại buôn D2, xã Đ, huyện L, nơi chị H, anh H2 cư trú, thể hiện vợ chồng chị H, anh H2 xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018 cho đến nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H2, chị H kéo dài, trầm trọng và không thể khắc phục được.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H và anh H2 không còn tình cảm, thương yêu, tôn trọng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh H2 là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng: Chị H và anh H2 có 03 con chung là Lê Thị Quỳnh M, sinh ngày 11/4/2008; Lê Đức T, sinh ngày 27/3/2010 và Lê Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 06/5/2013. Khi ly hôn anh H2 yêu cầu được nuôi cả 03 con và yêu cầu chị H cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng. Chị H cũng có nguyện vọng giao các con cho anh H2 nuôi và cấp dưỡng cho các con theo yêu cầu của anh H2.

Tại các biên bản ghi nhận ý kiến, các cháu Lê Thị Quỳnh M, Lê Đức T và Lê Thị Quỳnh Tr cùng trình bày: Nếu bố mẹ các cháu ly hôn với nhau, nguyện vọng của các cháu muốn được ở với bố, vì mẹ thường đi làm xa, ít khi về nhà.

Xét điều kiện, hoàn cảnh, công việc của anh H2 và chị H, chị H đi làm công nhân ở thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2018 đến nay, ít khi về nhà nên không có điều kiện chăm sóc cho các con, từ khi chị H đi làm công nhân đến nay các con ở

cùng anh H2, anh H2 làm việc ở gần nhà nên có điều kiện về chăm sóc các con thường xuyên. Xét nguyện vọng của các con chung đều muốn ở với anh H2, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, đảm bảo cho các con của anh H2 và chị H có nơi ở, sinh hoạt, học tập ổn định, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao các cháu Lê Thị Quỳnh M, Lê Đức T và Lê Thị Quỳnh Tr cho anh H2 trực tiếp nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy anh H2 là lao động tự do, không có công việc ổn định, thu nhập không cao, từ năm 2018 đến nay chị H đi làm công nhân ở thành phố Hồ Chí Minh, anh H2 là người trực tiếp nuôi các con, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ không trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng và mức cấp dưỡng cho con của anh H2, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con với mức cấp dưỡng đối với mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình và án phí về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 56, 81, 82, 83, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Lê Đức H2.

2. Về nuôi con chung: Giao các con chung Lê Thị Quỳnh M, sinh ngày 11/4/2008; Lê Đức T, sinh ngày 27/3/2010 và Lê Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 06/5/2013 cho anh Lê Đức H2 trực tiếp nuôi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con Lê Thị Quỳnh M, Lê Đức T và Lê Thị Quỳnh Tr, mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng (*Một triệu đồng một tháng*), thời gian cấp dưỡng: Từ ngày 23/9/2022 (*Ngày hai mươi ba tháng chín năm hai nghìn không trăm hai mươi hai*) đến khi con đủ 18 (*mười tám*) tuổi.

Sau khi ly hôn chị Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo biên lai thu tạm ứng án phí số 60/AA/2021/0001683 ngày 01/7/2022. Chị H phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- CCTHADS huyện Lắk;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Ngọc